

Vocabulary checking

Match each word (1-5) with its suitable meaning(a-e).

- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| 1. Glass bone disease | a. mỏng manh, dễ vỡ |
| 2. Fractured bones | b. nổi bật, tiêu biểu |
| 3. Inspire | c. gãy xương |
| 4. Outstanding | d. truyền cảm hứng |
| 5. Fragile | e. bệnh xương thủy tinh |